

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 8 - 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Kiệt.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Bé Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 307/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Bích T, sinh ngày 21/11/1997 (Có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt);

Căn cước công dân số 094197002046 cấp ngày 01/01/2022.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Thạch T1, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Chứng minh nhân dân số 366008296 cấp ngày 27/5/2010

Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 13 tháng 4 năm 2026, nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T trình bày:

Bà Lâm Thị Bích T và ông Thạch Thiên Q nhau có làm lễ cưới theo đúng phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 15/02/2016 đăng ký tại UBND xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Nay là xã M, thành phố Cần Thơ). Bà Lâm Thị Bích T và ông Thạch T1 thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nên cuộc sống giữa bà Lâm Thị Bích T và ông Thạch T1 không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Lâm Thị Bích T và ông Thạch T1 sống ly thân từ tháng 01/2024 cho đến nay. Về con chung: Bà Lâm Thị Bích T và ông Thạch T1, chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018, hiện tại hai cháu đang sống cùng với bà T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 13/4/2026, bà Lâm Thị Bích T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân xin được ly hôn với ông Thạch T1; về con chung xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018 đến khi thành niên, bà Lâm Thị Bích T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung không có yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Thạch T1: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông Thạch T1, nhưng ông không có ý kiến phản đối gì. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Thạch T1 để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Thạch T1 để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Riêng bị đơn ông Thạch T1 vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, vắng mặt các phiên tòa là chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Bích T: Bà Lâm Thị Bích T được ly hôn với ông Thạch T1. Giao 02 (hai) con chung tên Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018 cho bà Lâm Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi; bà Lâm Thị Bích T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng/tháng, ông T1 không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung bà T trình bày không có, không yêu

cầu giải quyết; ông T1 không có ý kiến yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Thạch T1. Bị đơn ông Thạch Thiên cư T3 tại ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cần Thơ.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn ông T1 được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông T1.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông T1 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25 ngày 15/02/2016. Tại thời điểm kết hôn, bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn bà T và ông T1 chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, từ đó mỗi người có cuộc sống riêng. Ông T1 không có văn bản tường trình ý kiến về mâu thuẫn gia đình, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T, ông T1 đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông T1 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về con chung: Theo giấy khai sinh số: 43/2016 ngày 10/3/2016 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M, thành phố Cần Thơ) thể hiện bà T và ông T1 có con chung tên Thạch Lâm Hữu T2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 02/12/2014 và giấy khai sinh số: 559 ngày 10/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân xã M,

thành phố Cần Thơ) thể hiện bà T và ông T1 có con chung tên Thạch Lâm Huỳnh N (Giới tính: Nữ), sinh ngày 02/9/2018. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung đến khi đủ 18 tuổi. Ông T1 không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, toà án tiến hành xác minh tại đại địa phương thể hiện 02 con chung tên Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018 hiện đang sống cùng bà T, cuộc sống đã ổn định nên giao 02 (hai) con chung cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Do đó, yêu cầu về con chung của bà T là có căn cứ chấp nhận.

[6] Tại Khoản 1 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi”* và Khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”*. Theo quy định này, ông T1 là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con chung được sống với bà T. Đồng thời, ông T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[7] Tại Khoản 2 Điều 82; khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; Nghĩa vụ cấp dưỡng được thực hiện giữa cha, mẹ và con; Nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế bằng nghĩa vụ khác và không thể chuyển giao cho người khác; Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung với con”*. Theo quy định này, ông T1 là người không trực tiếp nuôi con chung phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là phù hợp. Bà Lâm Thị Bích T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi định kỳ hàng tháng là phù hợp với quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với mức cấp dưỡng theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”*, đồng thời căn cứ theo quy định tại Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: *“Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”*. Theo

quy định này, bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp, tại thời điểm xét xử vụ án thì mức lương tối thiểu vùng mà bị đơn ông T1 đang cư trú là ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ là 3.700.000 đồng (1/2 mức lương tối thiểu vùng là 1.850.000 đồng). Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc ông Thạch T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T2 và cháu N mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu T2 và cháu N đủ 18 tuổi, mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng vẫn thấp hơn 1/2 mức lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú là 1.850.000 đồng nhưng do nguyên đơn bà T tự nguyện yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận, cho nên yêu cầu của bà T là phù hợp.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không yêu cầu giải quyết. Ông T1 không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[9] Như đã nhận định, phát biểu của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng. Ông T1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Bích T được ly hôn với ông Thạch T1.

2. Về con chung: Giao con chung tên Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018 cho bà Lâm Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Ông Thạch T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Thạch T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Thạch Lâm Hữu T2, sinh ngày 02/12/2014 và Thạch Lâm Huỳnh N, sinh ngày 02/9/2018 mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng (02 cháu là 3.000.000 đồng/tháng) cấp dưỡng cho đến khi cháu T2 và cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07 tháng 8 năm 2026. Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp dưỡng một lần. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Thi hành án dân sự thành phố C (Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lâm Thị Bích T trình bày không yêu cầu giải quyết. Ông Thạch T1 không có ý kiến yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí, án phí số 0008253 ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Lâm Thị Bích T đã nộp xong án phí sơ thẩm. Bị đơn ông Thạch T1 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- THADS Thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6);
- TAND Thành phố Cần Thơ (Phòng GDKT, TT và THA);
- UBND xã Mỹ Hương, TP. Cần Thơ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Hữu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Hữu

